

Số/No.: 89/2024/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024
Hanoi, day 22 month 01 year 2024CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔIANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADINGKính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
 - Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
 - Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND
 - Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAVND
 - Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 19/01/2024
 - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
I.	Chứng khoán/ <i>Stock</i>		
1	ACB	2300	5.2%
2	CTG	800	2.2%
3	FPT	1700	14.3%
4	GMD	1600	9.8%
5	HDB	1000	1.8%
6	KDH	700	1.9%
7	MBB	3800	7.3%
8	MSB	2200	2.7%
9	MWG	3300	13.3%
10	NLG	700	2.4%
11	OCB	1100	1.4%
12	PNJ	1200	9.4%
13	REE	1000	4.9%
14	TCB	3000	9.1%
15	TPB	1700	2.8%
16	VIB	1800	3.4%
17	VPB	3700	6.4%
18	VRE	600	1.2%
II.	Tiền / <i>Cash (VND)</i>	4,459,180	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:
 - Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,130,025,000 VND
 - Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,134,484,180 VND
 - Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 4,459,180 VND
 - Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
 - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason*:

STT No	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) <i>Substitution cash per securities (VND)</i>	Đối tượng áp dụng <i>Applied to</i>	Lý do <i>Reason</i>
1	ACB	25,600	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, <i>foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	FPT	95,600	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, <i>foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

3	MBB	21,700	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MSB	13,850	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	OCB	14,700	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	PNJ	89,000	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	REE	55,700	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TCB	34,400	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	VIB	21,400	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

State if component securities shall have corporate action:

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*)	Kỳ trước/Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	19/01/2024	18/01/2024	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	5	-	5
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	28,700,000	28,200,000	500,000
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	11,460	11,340	120
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	319,924,538,835	317,578,574,717	2,345,964,118
- của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF Creation Unit</i>	1,134,484,180	1,126,165,159	8,319,021
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	11,344.84	11,261.65	83.19
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,896.93	1,884.93	12.00

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *Item 5 is net asset value at 18/01/2024*

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *Item 5 is net asset value at 17/01/2024*

Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật
CEO and legal representative
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET
 (VIỆT NAM)
 S.G.P: 3...
 Q. NAM TÚ LIÊM - T.P. HÀ NỘI

Soh Jin Wook